

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-05-2019

V/v tranh chấp về : “Ly hôn và yêu
cầu chia tài sản chung vợ chồng ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Chọn.

2. Bà Trần Thị Đúng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh – Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1351/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Lệ H, sinh năm: 1983.

Nơi ĐKKHKT: C8/15 khu phố 3, thị trấn T T, huyện B C,., Hiện tạm trú tại : D11/339, ấp 4, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà Hằng có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Minh M, sinh năm: 1973;

Nơi ĐKKHKT: C8/15 khu phố 3, thị trấn T T, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh.(Ông Mẫn có mặt).

NHẬN THẤY

- Nguyên đơn bà Phan Thị Lệ H trình bày, tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2018, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được trình bày như sau: Bà và ông Lê Minh M chung sống vợ chồng từ năm 2002, có

đăng ký kết hôn số 40 ngày 22/04/2002 do Ủy ban nhân dân thị trấn T T, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo Bản trích lục Giấy chứng nhận kết hôn số 685/TLKH-BS ngày 19/10/2016. do Ủy ban nhân dân thị trấn T T, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Hằng ông Mẫn sống hạnh phúc được một thời gian và có 02 con chung là trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 29/04/2003 và trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 30/12/2006. Hiện cả hai con đang sống chung với mẹ và gia đình ông bà ngoại. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, mặc dù cả hai đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành, nên đời sống chung không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hiện nay không ai còn quan tâm đến ai trong thời gian Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông Lê Minh M và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu tòa án giải quyết xét xử cho bà được ly hôn với ông Mẫn để bà ổn định cuộc sống riêng làm lo cho các con.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 29/04/2003 và trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 30/12/2006. Hiện cả hai con đang sống chung với mẹ nên bà yêu cầu được tiếp tục con chung như hiện nay.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này .

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng là có căn nhà địa chỉ C 8/ 15 A, khu phố 3, thị trấn T T, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh, nguồn gốc đất do cha mẹ chồng cho và bà và ông Mẫn bỏ tiền ra xây dựng, nhưng hiện đang đứng tên cha chồng là ông Lê Phát Minh. Bà yêu cầu được chia tiền công sức đóng góp vào phần tài sản chung vợ chồng tương ứng với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

- **Bị đơn ông Lê Minh M trình bày**, trong quá trình giải quyết vụ án tại Bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đã trình bày, việc vợ chồng chung sống, kết hôn, và có con chung là đúng như bà Hằng đã trình bày, bản thân ông không muốn ly hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn là do hiểu lầm, hiện nay vợ chồng đã ly thân là do bà Hằng tự ý bỏ về sống với cha mẹ ruột mang theo cả hai con, tuy nhiên hàng ngày ông vẫn đưa đón con đi học vì hai gia đình ở gần nhau. Ông cũng không muốn hòa giải và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông xác nhận có 02 con chung là trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 29/ 04/2003 và trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 30/12/2006. Hiện cả hai con đang sống chung với mẹ, nếu ly hôn và bà Hằng yêu cầu được tiếp tục con chung như hiện nay thì ông xác định tùy vào ý kiến nguyện vọng các con,

Về tài sản chung: Ông xác định không có, vì căn nhà địa chỉ C8/ 15A, khu phố 3, thị trấn T T, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha mẹ ông cho vợ chồng ở, nên ông không chấp nhận yêu cầu của bà Hằng được chia tiền công

sức đóng góp vào phần tài sản chung với số tiền là 100.000.000 đồng(một trăm triệu đồng).Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Phan Thị Lệ H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh M, yêu cầu tiếp tục nuôi cả hai con như hiện nay và tự nguyện không yêu cầu ông Mẫn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung bà nộp đơn đề nghị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà địa chỉ C8/15A, khu phố 3, thị trấn T T, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với số tiền là 100.000.000 đồng(một trăm triệu đồng).Bà đề nghị không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về nợ chung bà xác định không có.

- Bị đơn ông Lê Minh M không đồng ý ly hôn và giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

- Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến quan điểm về tố tụng và nội dung qua quá trình kiểm sát cụ thể: Việc tuân theo pháp luật tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử :Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, việc xác định thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến Điều 97 BLTTDS.Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDD, Ngày 14/11/ 2018, Tòa án thụ lý vụ án và đến ngày 06/5/2019. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS năm 2015. Việc giao hồ sơ cho Viện KSND, Ngày 06/5/2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đó phiên tòa sẽ đưa ra xét xử vào ngày 23/5/2019, ngày 7/5/2019 Tòa án giao Quyết định và hồ sơ cho VKS nghiên cứu là đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS 2015.Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Thành phần Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS; tiến hành thủ tục khai mạc phiên tòa, thủ tục hỏi theo đúng quy định tại các Điều 239, Điều 249 BLTTDS; xét xử trực tiếp, bằng lời nói theo quy định tại Điều 225 BLTTDS.Việc chấp tuân pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử vào nghị án : Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Các đương sự không có ý kiến về việc thay đổi thành phần hội đồng xét xử.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Lệ H. Giao cả hai con chung là trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 29/04/2003 và trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 30/12/2006 cho bà Hằng tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng. tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với ông Mẫn. Về tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Án phí bà Hằng chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét nguyên đơn bà Phan Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh M. Yêu cầu này được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Xét bị đơn ông Mẫn cư trú tại C8/15 khu phố 3, thị trấn T T, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Lệ H được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân giữa bà Hằng và ông Mẫn có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 22/04/2002 do Ủy ban nhân dân thị trấn T T, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, căn cứ theo Bản trích lục Giấy chứng nhận kết hôn số 685/TLKH-BS ngày 19/10/2016. do Ủy ban nhân dân thị trấn T T, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Phan Thị Lệ H về việc ly hôn với ông Lê Minh M là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

- Xét nội dung đơn khởi kiện và phần trình bày, xác nhận của bà Hằng và ông Mẫn tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như và tại phiên tòa hôm nay, thì trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà Hằng và ông Mẫn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn cho đến nay, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng hiện đã ly thân một thời gian không ai còn quan tâm đến ai, tại phiên tòa mặc dù ông Mẫn cũng thừa nhận không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng bản thân ông cũng không muốn hòa giải, tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn. Xét vợ chồng bà Hằng và ông Mẫn thực sự đã mâu thuẫn trầm trọng, nên yêu cầu của bà Hằng là đề nghị Tòa án xử cho ly hôn để ổn

định cuộc sống của mỗi người là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. - Xét về con chung : Có 02 con chung là trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 29/ 04/2003 và trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 30/12/2006 hiện cả hai con đang sống chung với mẹ là bà Hằng và gia đình ông bà ngoại nên bà yêu cầu được tiếp tục con chung như hiện nay của bà Hằng là có cơ sở. Mặc khác tại biên bản ghi nhận ý kiến cả hai trẻ đều muốn được tiếp tục sống với mẹ như hiện nay. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Mẫn cũng xác định việc ai là người trực tiếp nuôi con là do các con quyết định nên yêu cầu của bà Hằng là phù hợp hoàn cảnh sống thực tế hiện nay của các con và phù hợp ý kiến các con theo quy định pháp luật hiện hành. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Hằng.

[3.4]. Xét về tài sản chung: Căn cứ vào Đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn bà Phan Thị Lệ H đề ngày 23 tháng 05 năm 2019 cũng như xác nhận tại phiên tòa của bà Hằng về việc không yêu cầu chia tài sản chung. Căn cứ Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Nguyên đơn có quyền thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện; rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện ” nên xét thấy yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hằng là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5]. Về nợ chung: Hai bên xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.6]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phan Thị Lệ H phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Hằng đã nộp. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung số tiền còn lại là : 17.400.000 đồng (mười bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/ 0006188, ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.7]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 6, Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39, các Điều 70, 91, 147, 217, 218, 243, 269, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 8, 9, 51, 53, 55, 57 và khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Lệ H được ly hôn ông Lê Minh M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 22/04/2002 do Ủy ban nhân dân thị trấn T T, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 29/04/2003 và trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 30/12/2006.

Giao cả hai con chung là trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 29/04/2003 và trẻ Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 30/12/2006 cho bà Phan Thị Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ phần yêu cầu của bà Phan Thị Lệ H về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Hai bên xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm :

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phan Thị Lệ H phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Hằng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006188, ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung số tiền còn lại là: 17.400.000 đồng (mười bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006188, ngày

17 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7- Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Lệ H và ông Lê Minh M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:

- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHA DS H. Bình Chánh;
- UBND thị trấn T T, huyện B C, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Phước Trường